

Số: 17/QĐ-TTĐVVL

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu xét duyệt quyết toán nguồn kinh phí ngân sách địa phương 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo xét duyệt Quyết toán số 374/TB-LĐTBXH ngày 26/02/2025 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Kạn về việc xét duyệt quyết toán ngân sách địa phương năm 2024;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu xét duyệt quyết toán chi nguồn ngân sách địa phương năm 2024 của Trung tâm Dịch vụ việc làm (Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phụ trách kế toán và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở LĐ-TBXH (Bc);

- Ban GĐTT;

- Kế toán TT;

Gửi bản giấy

- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Việt

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Kạn
Chương: 424

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN KINH PHÍ NSDP NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTĐVVL ngày /02/2025 của Trung tâm
Dịch vụ việc làm)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu			
B	Chi từ nguồn thu được để lại			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.728.656.685	2.728.656.685	-
1	Chi hoạt động kinh tế	1.867.000.000	1.867.000.000	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.610.000.000	1.610.000.000	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	257.000.000	257.000.000	
2	Chi Chương trình mục tiêu	861.656.685	861.656.685	-
1.1	CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững – Mã CTMQ 00474	674.767.295	674.767.295	
1.2	CTMTQG Phát triển KTXH vùng DTTS và MN-Mã CTMQ 00515	186.889.390	186.889.390	